

**THÔNG TƯ**  
**Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận  
tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật về giống, sản phẩm, quy trình sản xuất, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý trong nông nghiệp (sau đây viết tắt là tiến bộ kỹ thuật).

2. Thông tư này không điều chỉnh các nội dung sau:

- a) Công nhận giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản;
- b) Khảo nghiệm, thử nghiệm, đăng ký lưu hành vật tư nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công nhận tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp.

**Điều 3. Cơ quan thực hiện**

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Tổng cục, Cục thuộc Bộ tiếp nhận hồ sơ, xem xét công nhận hoặc hủy bỏ tiến bộ kỹ thuật theo lĩnh vực được phân công quản lý:

1. Tổng cục Thủy sản đối với lĩnh vực thủy sản.
2. Tổng cục Thủy lợi đối với lĩnh vực thủy lợi.
3. Tổng cục Lâm nghiệp đối với lĩnh vực lâm nghiệp.
4. Tổng cục Phòng, chống thiên tai đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai.
5. Cục Trồng trọt đối với lĩnh vực trồng trọt.
6. Cục Bảo vệ thực vật đối với lĩnh vực bảo vệ thực vật, phân bón và an toàn thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật.
7. Cục Chăn nuôi đối với lĩnh vực chăn nuôi.
8. Cục Thú y đối với lĩnh vực thú y và an toàn thực phẩm có nguồn gốc từ động vật.
9. Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản đối với lĩnh vực chế biến, bảo quản nông sản và phát triển thị trường nông sản.
10. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn đối với lĩnh vực sản xuất muối, cơ điện, ngành nghề nông thôn, giải pháp tổ chức sản xuất và xây dựng nông thôn mới.
11. Cục Quản lý xây dựng công trình đối với lĩnh vực xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

## **Chương II**

### **CÔNG NHẬN TIỀN BỘ KỸ THUẬT**

#### **Điều 4. Tiêu chí công nhận tiến bộ kỹ thuật**

1. Tiêu chí đối với tiến bộ kỹ thuật công nhận lần đầu:
  - a) Có tính mới, tính sáng tạo, tính ổn định và khả năng cạnh tranh cao;
  - b) Đảm bảo chất lượng, giảm thiểu tác động đến môi trường, có triển vọng mở rộng sản xuất.
2. Tiêu chí đối với tiến bộ kỹ thuật tương tự tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này và có hiệu quả kinh tế cao hơn ít nhất 10% so với tiến bộ kỹ thuật tương tự đã được công nhận.

#### **Điều 5. Hồ sơ đăng ký, tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ, công nhận tiến bộ kỹ thuật**

##### 1. Hồ sơ đăng ký

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân đăng ký) gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Điều 3 Thông tư này (sau đây viết tắt là cơ quan có thẩm quyền). Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Báo cáo kết quả nghiên cứu tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản nhận xét ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất của tối thiểu 03 tổ chức hoặc cá nhân theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư này. Bản nhận xét của cá nhân phải được cơ quan hoặc địa phương nơi cá nhân sinh sống hoặc công tác xác nhận.

## 2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối nếu hồ sơ không hợp lệ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

## 3. Thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thành lập hội đồng tư vấn thẩm định tiến bộ kỹ thuật (sau đây viết tắt là hội đồng). Thành phần, phương thức, trình tự thẩm định của hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ký Quyết định thành lập hội đồng, cơ quan có thẩm quyền tổ chức họp thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật.

## 4. Công nhận tiến bộ kỹ thuật

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp hội đồng, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về các nội dung cần hoàn thiện (nếu có) đến tổ chức, cá nhân đăng ký;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức, cá nhân đăng ký hoàn thiện hồ sơ gửi về cơ quan có thẩm quyền;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện, cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không công nhận tiến bộ kỹ thuật phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đăng ký;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, cơ quan có thẩm quyền đăng tải Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật trên cổng thông tin điện tử của đơn vị.

## **Điều 6. Thành phần, phương thức, trình tự phiên họp của hội đồng**

### 1. Thành phần hội đồng

a) Hội đồng có 07 thành viên gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký và các ủy viên; trong đó có 01 thành viên đại diện tổ chức, địa phương nơi ứng dụng tiến bộ kỹ thuật;

b) Những người không được tham gia hội đồng: tác giả, đồng tác giả đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật; cá nhân thuộc tổ chức đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật.

